

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8- 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thiết Lập;

Ông Phan Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **135/2022/TLST-HNGĐ**, ngày **26 tháng 4 năm 2022** về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị U, **sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ Z, ấp X, xã Ph, huyện C, tỉnh N.** (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, **sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ Z ấp Tân X, xã Ph, huyện C, tỉnh N.** (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2022, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị U trình bày: Chị U và Nguyễn Văn C chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1999, đến năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, mỗi lần say xỉn thì đánh chị, đập phá đồ đạc. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng không được. Không chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ đi, thuê nhà sống bên ngoài khoảng 03-04 tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 2003; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011 hiện đang ở chung với anh C; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/8/2020 hiện đang sống chung với chị. Cháu M, cháu Th đã trưởng thành. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu H và cháu N; yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị U về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị U trình bày anh không đồng ý, anh không có nhậu nhẹt, say xỉn. Nay Chị U yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 04 con chung như Chị U trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng H, giao cháu Nguyễn Hoàng N cho Chị U nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Cháu Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị Cẩm Th đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U đối với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn C có 04 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 2003; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/8/2020. Cháu M, cháu Th đã trưởng thành. Giao cháu N cho Chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Huy cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C, Chị U không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị U là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị U, anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, tỉnh N vào năm 2007, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của Chị U, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị U yêu cầu ly hôn do vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã nhau, bất hòa trong cuộc sống do anh C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, mỗi lần say xỉn thì đánh chị, đập phá đồ đạc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Kết quả xác minh địa phương nơi Chị U, anh C thường trú tại ấp X, xã Ph, huyện C, tỉnh N và nơi anh C, Chị U sinh sống để đi làm tại ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh N thể hiện: Giữa Chị U, anh C chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C có tật nhậu nhẹt, say xỉn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa Chị U, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên Chị U yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn C có 04 con chung. Cháu Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 2003 đã trưởng thành. Cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011 hiện đang ở chung với anh C; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/8/2020 hiện đang sống chung với Chị U.

Xét thấy thu nhập của anh C, Chị U đều có thể nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung. Cháu Nguyễn Hoàng N còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ và hiện tại cũng đang sống cùng Chị U. Do đó, cần giao cháu N cho Chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Cháu Nguyễn Hoàng H có nguyện vọng được ở với cha, hiện tại cũng đang sống cùng anh C. Do đó, giao cháu H cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Anh C, Chị U mỗi người đều nuôi dưỡng 01 con chung nên không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U. Chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn C có **04 con chung tên Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 2000; Nguyễn Thị Cẩm Th, sinh năm 2003; Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/5/2011; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 08/8/2020. Cháu M, cháu Th đã trưởng thành. Giao cháu N cho Chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu H cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C, Chị U không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh C, Chị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà Chị U đã nộp theo biên lai thu số 0007254 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận Chị U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm My